

Số: 49

Ngày 17/12/2018

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

- Trái phiếu doanh nghiệp có mệnh giá 100.000 đồng.*
- Phấn đấu đến năm 2020 có ít nhất 92% trẻ em độ tuổi mẫu giáo được đến trường.*
- Mục tiêu đến năm 2025 tổng thu từ khách du lịch đạt 45 tỷ USD.*
- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát trong công tác phòng cháy.*
- Thủ tướng yêu cầu các bộ ngành, địa phương tăng cường các biện pháp tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù.*
- Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân trong Quân đội nhân dân Việt Nam.*
- Tổ trưởng tổ dân phố được quyền ký hợp đồng xây dựng công trình do nhân dân trong tổ dân phố đóng góp kinh phí đầu tư.*

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- Những lĩnh vực nào được ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi?*
- Quy trình quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại?*
- Quy trình quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại?*
- Nguyên tắc áp dụng cơ chế tài chính trong nước đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi?*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP CÓ MỆNH GIÁ 100.000 ĐỒNG

Ngày 04/12/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01/2/2019.

Nghị định này quy định, trái phiếu doanh nghiệp phát hành tại thị trường trong nước có mệnh giá là 100.000 đồng hoặc là bội số của 100.000 đồng. Nếu phát hành ra thị trường quốc tế, mệnh giá được thực hiện theo quy định của thị trường phát hành. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử; Doanh nghiệp phát hành quyết định cụ thể hình thức trái phiếu đối với mỗi đợt phát hành theo quy định tại thị trường phát hành.

Lãi suất danh nghĩa trái phiếu có thể xác định theo một trong các phương thức lãi suất cố định cho cả kỳ hạn trái phiếu, lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi; trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi, doanh nghiệp phát hành phải nêu cụ thể cơ sở tham chiếu để xác định lãi suất danh nghĩa tại phương án phát hành và công bố thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu về cơ sở tham chiếu được sử dụng; doanh nghiệp quyết định lãi suất danh nghĩa cho từng đợt phát hành phù hợp với tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ. Lãi suất trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành ngoài việc tuân thủ quy định tại

Nghị định này phải phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nghị định này quy định trái phiếu doanh nghiệp bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong vòng 01 năm, kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, trừ trường hợp quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định.

2. PHẤN ĐÁU ĐẾN NĂM 2020 CÓ ÍT NHẤT 92% TRẺ EM ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO ĐƯỢC ĐẾN TRƯỜNG

Ngày 03/12/2018 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1677/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018 – 2025. Quyết định có hiệu lực từ ngày 03/12/2018.

Mục tiêu đến năm 2020 mạng lưới trường lớp được củng cố mở rộng, đủ năng lực huy động trẻ em đến trường, phát triển các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập. Phấn đấu đến năm 2020, có ít nhất 30% trẻ em độ tuổi nhà trẻ, 92% trẻ em độ tuổi mẫu giáo, trong đó hầu hết trẻ mẫu giáo 5 tuổi được đến trường, tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập chiếm từ 25% trở lên; về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, có ít nhất 98,5% nhóm, lớp mầm non được học 02 buổi/ngày; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,3%/năm, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm trung bình 0,2%/năm, tỷ lệ trẻ em thừa cân - béo phì được không
Số 49 ngày 17/12/2018 trang 2/11

chế; về đội ngũ giáo viên có ít nhất 70% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên; bảo đảm tỷ lệ 01 phòng học/lớp (nhóm); tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 70%; có ít nhất 42% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; có 100% trường mầm non hoàn thành tự đánh giá, trong đó có ít nhất 45% số trường mầm non được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

Đến năm 2025 phát triển mạng lưới trường lớp mầm non, bảo đảm đến năm 2025, huy động được ít nhất là 35% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ, 95% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được đến trường. Tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập chiếm từ 30% trở lên; có 99,5% nhóm, lớp mầm non được học 2 buổi/ngày; duy trì tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,3%/năm, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm trung bình 0,2%/năm, tỷ lệ trẻ em thừa cân - béo phì được khống chế; đủ số lượng giáo viên mầm non theo quy định, 90% giáo viên mầm non đạt trình độ đào tạo từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 85% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên; tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 80%, có ít nhất 50% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; có ít nhất 60% số trường mầm non được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

Huy động nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục mầm non, ưu tiên ngân sách chi cho các hoạt động của giáo dục mầm non trong phạm vi ngân sách được giao theo phân cấp; Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong việc phát triển giáo dục mầm non; đưa mục tiêu phát triển giáo dục mầm non vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đổi mới công tác quản lý của các cơ sở giáo dục mầm non; nâng cao năng lực tự chủ, trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục mầm non; đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá của các cấp quản lý giáo dục bảo đảm thực chất, hiệu quả, tránh hình thức và giảm tải cho giáo viên mầm non; thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý giáo dục mầm non và trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ, bảo đảm tính thống nhất, khách quan, chính xác và kịp thời.

3. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025 TỔNG THU TỪ KHÁCH DU LỊCH ĐẠT 45 TỶ USD.

Đến năm 2025, tổng thu từ khách du lịch đạt 45 tỷ USD, giá trị xuất khẩu thông qua du lịch đạt 27 tỷ USD, ngành du lịch đóng góp trên 10% GDP; tạo ra 6 triệu việc làm, trong đó có 2 triệu việc làm trực tiếp; nâng dần tỷ lệ lao động trực tiếp phục vụ du lịch được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ và kỹ năng đạt 70%. Đón và phục vụ 30 - 32 triệu lượt khách du lịch quốc tế, trên 130 triệu lượt khách du lịch nội địa. Đó là mục tiêu được đề ra tại Quyết định số 1685/QĐ-TTg

phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại ngành Du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn” được Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 05/12/2018 và có hiệu lực ngay.

Theo đó, thị trường du lịch được cơ cấu lại như sau: về thị trường khách du lịch quốc tế: tiếp tục khai thác có hiệu quả các thị trường có nguồn khách lớn; tập trung khai thác các thị trường khách du lịch có khả năng chi trả cao, nghỉ dưỡng dài ngày, trải nghiệm văn hóa và thiên nhiên; đẩy mạnh thu hút phân khúc thị trường khách du lịch theo một số loại hình du lịch chuyên đề mà Việt Nam có lợi thế như du lịch cộng đồng, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch sự kiện, hội nghị, hội thảo (MICE), du lịch golf, du lịch ẩm thực; tăng dân tỷ trọng khách không đi theo chương trình du lịch trọn gói, tự trải nghiệm và khám phá Việt Nam; mở rộng phát triển các thị trường tiềm năng, có lượng khách du lịch ra nước ngoài hàng năm tăng nhanh.

Về thị trường khách du lịch nội địa: tiếp tục đẩy mạnh phát triển du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cuối tuần gắn với mục đích chăm sóc sức khỏe, giáo dục, tìm hiểu văn hóa lịch sử, trải nghiệm văn hóa dân tộc, tăng cường giao lưu văn hóa; định hướng lại thị trường khách du lịch lễ hội, văn hóa tâm linh theo hướng kết hợp hài hòa mục đích lễ hội, tâm linh với các mục đích khác, khắc phục tính thời vụ.

Tiếp tục phát triển mạnh các dòng sản phẩm du lịch chủ đạo có lợi

thế về tự nhiên và văn hóa, gắn với các khu vực động lực phát triển của du lịch Việt Nam: hình thành sản phẩm du lịch gắn với đẩy mạnh phát triển và trải nghiệm các loại hình văn hóa, trình diễn nghệ thuật, tìm hiểu lịch sử, tinh hoa ẩm thực, phong tục, tập quán, lối sống; ưu tiên phát triển mạnh du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo và du lịch thể thao biển nhằm định vị Việt Nam là một điểm đến nghỉ dưỡng biển có sức hấp dẫn cao; tập trung phát triển du lịch nghỉ dưỡng gắn với cảnh quan núi, hồ; du lịch nông nghiệp, tìm hiểu đa dạng sinh học tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn tự nhiên và các vùng có giá trị cảnh quan độc đáo; đẩy mạnh các hoạt động vui chơi giải trí, giải trí về đêm, du lịch mua sắm, du lịch MICE, tìm hiểu và khám phá các di tích văn hóa, lịch sử, bảo tàng và các công trình kiến trúc độc đáo tại các đô thị....

4. TĂNG CƯỜNG THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Để phòng ngừa, ngăn chặn tình hình cháy, nổ, hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy, nổ gây ra tại khu dân cư, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 05/12/2018 về tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy tại khu dân cư. Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: tăng cường tuyên truyền,

phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho người dân để từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm tham gia vào công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Thực hiện nghiêm quy chế dân chủ theo đúng phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Gắn phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy với phong trào xây dựng khu dân cư, gia đình văn hóa; nhân rộng điển hình tiên tiến, kịp thời khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, phát hiện và có biện pháp giải quyết, khắc phục kịp thời sơ hở, bất cập trong công tác phòng cháy, chữa cháy nhằm phòng ngừa, ngăn chặn triệt để các nguyên nhân, điều kiện dẫn đến cháy, nổ trong khu dân cư. Bố trí nguồn kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm để bảo đảm cho công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy đối với khu dân cư, cơ sở thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý. Khi xảy ra cháy, nổ tại khu dân cư phải tập trung các lực lượng tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ kịp thời, nhanh chóng khắc phục hậu quả do cháy, nổ gây ra. Chỉ đạo tổng rà soát, đánh giá, phân loại địa bàn trọng điểm, khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao cần tăng cường quản lý nhà nước

về phòng cháy, chữa cháy. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện ngay những giải pháp, biện pháp bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy tại khu dân cư. Chịu trách nhiệm khi để xảy ra cháy, nổ trên địa bàn quản lý. Xây dựng quy định, biện pháp cụ thể xử lý đối với các nhà chuyên môn công năng vừa ở, vừa sản xuất, kinh doanh, làm kho tàng, thu mua phế liệu... nhưng không bảo đảm các điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy.

Rà soát quy hoạch khu dân cư, quy hoạch chỉnh trang đô thị, quy hoạch giải tỏa để có biện pháp, giải pháp hạn chế nguy cơ cháy, nổ; đặc biệt chú ý các điều kiện về giao thông, nguồn nước phục vụ công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Chỉ đạo giải quyết dứt điểm việc coi nới chiếm dụng lối đi chung; cầu, mắc đường dây dẫn điện, viễn thông không bảo đảm theo quy định. Tích cực vận động nhân dân tự nguyện di dời các cơ sở sản xuất nhỏ, lẻ có nguy hiểm cháy, nổ cao ra khỏi khu dân cư và đầu tư, mua sắm thiết bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại chỗ. Chỉ thị này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/12/2018.

5. THỦ TƯỚNG YÊU CẦU CÁC BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG TĂNG CƯỜNG CÁC BIỆN PHÁP TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHẤP HÀNH XONG ÁN PHẠT TỬ

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tái hòa nhập cộng đồng đối

với người chấp hành xong án phạt tù (bao gồm cả người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng), Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 33/CT-TTg về tăng cường các biện pháp tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

Bộ Công an chủ trì giúp Chính phủ theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện có hiệu quả Nghị định số 80/2011/NĐ-CP; phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất ban hành cơ chế, chính sách pháp luật, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù; tăng cường phối hợp thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về tái hòa nhập cộng đồng qua các phương tiện thông tin, trang thông tin điện tử (website), các ấn phẩm chuyên đề...

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp phối hợp với các cơ quan chức năng, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách đào

tạo nghề nghiệp, tạo việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng triển khai các hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp, nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm cho phạm nhân sắp chấp hành xong án phạt tù, người sắp chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng; nghiên cứu, hướng dẫn việc đào tạo và cấp chứng chỉ đào tạo nghề cho phạm nhân trong các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, trại viên trong các cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh trong các trường giáo dưỡng.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và công tác phòng, chống tội phạm tại địa phương; trong từng giai đoạn, tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Nghị định số 80/2011/NĐ-CP.

Chỉ thị này được ban hành ngày 05/12/2018 và có hiệu lực ngay.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

6. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUÂN NHÂN

TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Thông tư số 165/2018/TT-BQP quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân trong Quân đội nhân dân Việt Nam được Bộ Quốc phòng ban hành ngày 01/12/2018.

Theo đó, hội đồng quân nhân được thành lập ở các cơ quan, đơn vị: đại đội; tiểu đoàn bộ; đồn biên phòng; đội cảnh sát biển; hải đội biên phòng; tiểu khu biên phòng; trạm cảnh sát biển; tiểu đoàn tên lửa phòng không; phi đội không quân; khối cơ quan lữ đoàn, trung đoàn, đoàn cảnh sát biển, ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị tương đương; cấp phòng của cơ quan sư đoàn, bộ tư lệnh vùng (Hải quân và Cảnh sát biển), bộ chỉ huy quân sự, bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố và đơn vị tương đương; khối cơ quan sư đoàn khung thường trực; trung đoàn khung thường trực và đơn vị tương đương...

Thành phần Hội đồng quân nhân gồm: sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị có đủ tiêu chuẩn đều có thể tham gia ứng cử ủy viên Hội đồng quân nhân. Ủy viên Hội đồng quân nhân phải có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm và tính, chiến đấu cao, có tác phong sâu sát được quần chúng tin nhiệm, có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân công. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quân nhân phải nắm chắc các hoạt động của cơ quan, đơn

vị, nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động của Hội đồng quân nhân và có năng lực tổ chức thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị.

Về số lượng ủy viên Hội đồng quân nhân: cơ quan, đơn vị có quân số 60 người trở xuống bầu từ 03 đến 05 ủy viên; trên 60 người bầu không quá 09 ủy viên. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quân nhân do đại hội quân nhân bầu trong số ủy viên bằng hình thức bỏ phiếu kín. Không cơ cấu Chủ tịch Hội đồng quân nhân là cấp trưởng hoặc bí thư cấp ủy.

Hội đồng quân nhân có nhiệm vụ tuyên truyền, vận động quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệnh, điều lệ, quy định, nhiệm vụ của Quân đội và đơn vị. Xây dựng mỗi đoàn kết, thống nhất trong cơ quan, đơn vị, phát huy vai trò của quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng thực hiện dân chủ về quân sự - chuyên môn, chính trị, kinh tế - đời sống. Đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng và tham gia tư vấn tâm lý, tư vấn pháp luật cho quân nhân, công chức, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị. Tham gia góp ý xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện. Tham gia giám sát và phản biện xã hội theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn....

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/1/2019 và thay thế Thông tư số 111/2009/TT-BQP ngày 20/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quân nhân trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

7. TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ ĐƯỢC QUYỀN KÝ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DO NHÂN DÂN TRONG TỔ DÂN PHỐ ĐÓNG GÓP KINH PHÍ ĐẦU TƯ

Thông tư số 14/2018/TT-BNV của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố được ban hành ngày 03/12/2018.

Theo thông tư này, mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp cần thiết thì có 01 Phó trưởng thôn, 01 Phó tổ trưởng tổ dân phố. Phó trưởng thôn, Phó tổ trưởng tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó trưởng thôn, Phó tổ trưởng tổ dân phố.

Cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật. Cộng đồng dân cư tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm vụ triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố; tổ chức thực hiện những công việc thuộc phạm vi thôn, tổ dân phố đã được nhân dân bàn và quyết định; bảo đảm các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định. Vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, tổ dân phố. Báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã về những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, tổ dân phố. Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, tổ dân phố; lập

biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được quyền ký hợp đồng về xây dựng công trình do nhân dân trong thôn, tổ dân phố đóng góp kinh phí đầu tư đã được hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua và bảo đảm các quy

định liên quan của chính quyền các cấp; được phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho Phó trưởng thôn, Phó tổ trưởng tổ dân phố; được chính quyền cấp xã mời họp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quản lý, hoạt động của thôn, tổ dân phố; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20/1/2019.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ BẢO HIỂM BẮT BUỘC TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE CƠ GIỚI

Bộ Tài chính đang tổ chức lấy ý kiến vào dự thảo Nghị định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. Theo đó, chủ xe cơ giới phải tham gia bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới theo quy định, mức trách nhiệm bảo hiểm và biểu phí bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới do Bộ Tài chính quy định. Chủ xe cơ giới không được đồng thời tham gia hai hợp đồng bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới trở lên cho cùng một xe cơ giới. Trường hợp chủ xe cơ giới đồng thời tham gia nhiều hợp đồng bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới cho cùng một xe cơ giới do lỗi vô ý, trách nhiệm bảo hiểm chỉ phát sinh đối với hợp đồng bảo hiểm đầu tiên. Ngoài việc tham gia hợp đồng bảo

hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, chủ xe cơ giới có thể thoả thuận với doanh nghiệp bảo hiểm để tham gia hợp đồng bảo hiểm tự nguyện.

Khi tai nạn xảy ra, trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường cho chủ xe cơ giới, lái xe số tiền mà chủ xe cơ giới, lái xe đã bồi thường hoặc sẽ phải bồi thường cho người bị thiệt hại. Khi tai nạn xảy ra, doanh nghiệp bảo hiểm phải tạm ứng ngay những chi phí cần thiết và hợp lý trong phạm vi trách nhiệm bảo hiểm nhằm khắc phục hậu quả tai nạn.

Mức bồi thường cụ thể cho từng loại thương tật, thiệt hại về người được xác định theo Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về người ban hành kèm theo Nghị định này hoặc theo thoả thuận giữa chủ xe cơ giới, lái xe và người bị thiệt hại. Đối với vụ tai nạn được cơ quan có thẩm quyền xác định nguyên nhân do lỗi hoàn

toàn của bên thứ ba thì mức bồi thường bảo hiểm về người bằng 70% mức bồi thường theo quy định. Mức bồi thường cụ thể đối với thiệt hại về tài sản/l vụ tai nạn được xác định theo thiệt hại thực tế và theo mức độ lỗi của chủ xe cơ giới nhưng không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm. Trường hợp nhiều xe cơ giới cùng gây

tai nạn, mức bồi thường được xác định theo mức độ lỗi của từng chủ xe cơ giới, nếu không xác định được mức độ lỗi thì mức bồi thường bằng nhau nhưng tổng mức bồi thường không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Những lĩnh vực nào được ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi?

*** Trả lời:** Khoản 12 điều 1 Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ quy định những lĩnh vực sau đây được ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

1. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên hạ tầng giao thông, hạ tầng xã hội, phát triển đô thị thông minh, thủy lợi.

2. Nghiên cứu, xây dựng chính sách, thể chế và cải cách.

3. Phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao tri thức và phát triển công nghệ.

4. Giải quyết ô nhiễm và nâng cao chất lượng môi trường; phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh.

5. Sử dụng làm nguồn vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện

dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP).

6. Lĩnh vực ưu tiên khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hỏi: Quy trình quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại?

*** Trả lời:** Điểm 1 khoản 15 điều 1 Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ quy định quy trình quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại như sau:

1. Lập, lựa chọn, phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án.

2. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

3. Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án.

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

4. Ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho chương trình, dự án.

5. Quản lý thực hiện chương trình, dự án.

6. Hoàn thành, chuyển giao kết quả chương trình, dự án.

3. Hỏi: Quy trình quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại?

* **Trả lời:** Điểm 2 khoản 15 điều 1 Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ quy định quy trình quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại như sau:

1. Lập Văn kiện dự án, phi dự án; thẩm định, quyết định chủ trương thực hiện (áp dụng đối với dự án, phi dự án quy định tại khoản 1 Điều 30a) và phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án.

2. Ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA không hoàn lại cho dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án.

3. Quản lý thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án.

4. Hoàn thành, chuyển giao kết quả dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án.

4. Hỏi: Nguyên tắc áp dụng cơ chế tài chính trong nước đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi?

* **Trả lời:** Khoản 14 điều 1 Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018

của Chính phủ quy định nguyên tắc áp dụng cơ chế tài chính trong nước đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi như sau

1. Đối với chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp: Ngân sách trung ương cấp phát toàn bộ.

2. Đối với chương trình, dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương: Ngân sách trung ương cấp phát một phần, cho vay lại một phần hoặc toàn bộ đối với vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Đối với chương trình, dự án có khả năng thu hồi vốn toàn bộ hoặc một phần: Cho vay lại toàn bộ hoặc một phần vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài từ ngân sách trung ương theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ./.